

Bản án số: 50/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 29/8/2024

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông NMT

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: CTTN

Ông: ĐHS

- Thư ký phiên tòa: ông CLB – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: ông PQP – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2024/TLST - HNGĐ ngày 31/5/2024 về việc “ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 31/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị CTC – sinh năm 1985

Địa chỉ: bản HL, xã HS, huyện MH, tỉnh QB, *có mặt*;

Bị đơn: anh NH – sinh năm 1981

Địa chỉ: bản HL, xã HS, huyện MH, tỉnh QB, *vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2024 và tại bản tự khai ngày 27/6/2024 nguyên đơn chị CTC trình bày: chị và anh NH kết hôn ngày 24/01/2007 tại UBND xã HS, huyện MH, tỉnh QB trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì xảy ra nhiều mâu

thuần do bất đồng quan điểm sống không dần xếp được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. Về con chung: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu NTU sinh ngày 18/9/2007 và cháu NNG sinh ngày 02/8/2009. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu anh Hùng cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật. Về tài sản và các khoản vay chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thụ lý vụ kiện và tiến hành giải quyết; quá trình triệu tập có mặt chị Cao Thị Chính, vắng mặt anh NH nên Tòa án không hòa giải được. Ngày 26/7/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh tại xã HS kết quả xác minh anh NH có hộ khẩu ở bản HL, xã HS, huyện MH, tỉnh QB nhưng không có mặt tại địa phương. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 27/6/2024 cháu NTU và cháu NNG có viết giấy nguyện vọng là được ở với mẹ CTC.

Ngày 15/8/2024 Tòa án đã hoãn phiên tòa do anh NH vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu đối với Thẩm phán và Thư ký quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ các quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự: xử chị CTC ly hôn anh NH; áp dụng các Điều 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu NTU và cháu NNG cho chị CTC trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H có trách nhiệm cấp dưỡng. Chị C và anh H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị CTC và anh NH kết hôn ngày 24/01/2007 tại UBND xã HS, huyện MH, tỉnh QB trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không dần xếp được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh H vì vậy cần căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét xử chị CTC ly hôn anh NH

[2] . Về con chung: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu NTU sinh ngày 18/9/2007 và cháu NNG sinh ngày 02/8/2009. Nếu ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con

theo pháp luật, đồng thời cả 02 cháu NTU và cháu NNG có viết giấy nguyện vọng là được ở với mẹ CTC. Vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu NTU sinh ngày 18/9/2007 và cháu NNG sinh ngày 02/8/2009 cho chị CTC trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh NH có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/cháu đến khi con trưởng thành.

[3] . Về tài sản chung và vay nợ chung: không có nên không cầu Tòa án giải quyết.

[4] . Về án phí: chị CTC phải chịu án phí sơ thẩm; anh NH phải chịu án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: áp dụng khoản 1 điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử chị CTC ly hôn vắng mặt anh NH;

2. Về con chung: áp dụng khoản 2 Điều 81 và các Điều 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu NTU sinh ngày 18/9/2007 và cháu NNG sinh ngày 02/8/2009 cho chị CTC trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh NH có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/cháu, tổng cộng 3.000.000 đồng kể từ tháng 9/2024 đến khi các con tròn 18 tuổi

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con;

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 chi CTC phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; chị Cao Thị Chính đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0000572 ngày 31/5/2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa nay được khấu trừ

Án phí cấp dưỡng: anh NH phải chịu 300.000 đồng.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/8/2024), bị đơn thời hạn trên kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện MH;
- VKSND tỉnh QB;
- Chi cục THADS huyện MH;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- UBND xã HS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA:**

N.M.T